



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

ĐC: 457C, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành Phố Bến Tre
Tel: 075.3822288 - 3812093 - 3815427 * Fax: 075.3827287
075.3611666 - 3611777 - 2211656 * Fax: 075.3611222
Email: donghaibt@hcm.vnn.vn * Website: www.dohacobentre.com

Số: 64 /CV-HĐQT

Bến Tre, ngày 18 tháng 08 năm 2014

V/v giải trình sự khác nhau
giữa báo cáo của đơn vị so với
báo cáo soát xét của kiểm toán

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

BẢNG BÁO CÁO GIẢI TRÌNH

ĐẾN Số: 27993
Ngày: 13/8/14
Chuyển: 14/8
Tạm giữ sự: ✓

KÍNH GỬI: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
-Sở Giao Dịch Chứng Khoán - TPHCM

Vào ngày 16/07/2014 Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre đã nộp báo cáo tài chính quý 2/2014 cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM.

Sau khi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính, kết quả có sự khác nhau các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán giữa báo cáo tài chính của đơn vị so với báo cáo kiểm toán. Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre xin giải trình sự khác nhau số liệu như sau:

I/ SỐ LIỆU TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Hàng tồn kho:

Số báo cáo : 56.892.133.128 đồng
Số kiểm toán : 78.333.141.269 đồng
Chênh lệch tăng : 21.441.008.141 đồng

Giải trình : Do chưa ghi nhận hàng nhập khẩu đang đi trên đường (bên bán đã giao hàng xuống tàu nhưng hàng chưa về tới cảng bên mua) .

2. Phải trả người bán:

Số báo cáo : 60.789.772.300 đồng
Số kiểm toán : 82.230.780.441 đồng
Chênh lệch tăng : 21.441.008.141 đồng

Giải trình: Do chưa ghi nhận công nợ phải trả cho nhà cung cấp nước ngoài của hàng nhập khẩu đang đi trên đường.

II/ BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

- Công ty CP Đông Hải đã thực hiện báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp.
- Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện báo cáo lưu chuyển theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre xác nhận số liệu kiểm toán và xin điều chỉnh số liệu trên. Tất cả số liệu còn lại sẽ không thay đổi.

Kính báo cáo đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Bá Phương

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 27999
	Ngày: 13/8/14
	Chuyển: xyl

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Phương
Ông Đoàn Văn Đạo
Ông Nguyễn Thành Nghĩa
Bà Hồ Thị Song Ngọc
Ông Lê Quang Hiệp
Ông Lương Văn Thành

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2014)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2014)
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Bá Phương
Ông Lương Văn Thành
Bà Hồ Thị Song Ngọc

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Phó Tổng Giám đốc thứ hai

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Số: 122 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 20. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 11 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đã phát hành báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính ngày 5 tháng 8 năm 2013 với kết luận chấp nhận toàn phần.



Vũ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công Ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trương Vũ Thanh Lâm
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2102-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		182.844.513.743	161.226.514.421
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.160.734.826	5.267.716.994
1. Tiền	111	4	6.160.734.826	5.267.716.994
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.581.878.427	99.084.018.999
1. Phải thu khách hàng	131	5	89.519.397.816	83.678.194.965
2. Trả trước cho người bán	132		4.618.321.515	5.237.231.969
3. Các khoản phải thu khác	135	6	866.728.289	12.841.592.692
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.422.569.193)	(2.673.000.627)
III. Hàng tồn kho	140	7	78.333.141.269	43.950.450.248
1. Hàng tồn kho	141		78.333.141.269	43.950.450.248
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.768.759.221	12.924.328.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.427.782.221	5.192.865.511
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	759.891.194
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		340.977.000	6.971.571.475
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		239.331.049.034	237.952.011.211
I. Tài sản cố định	220		224.881.258.089	225.826.468.543
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	211.792.120.892	222.929.660.425
- Nguyên giá	222		283.685.383.307	281.167.526.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.893.262.415)	(58.237.865.729)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	281.697.845	100.493.182
- Nguyên giá	228		388.834.250	188.834.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.136.405)	(88.341.068)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.807.439.352	2.796.314.936
II. Tài sản dài hạn khác	260		14.449.790.945	12.125.542.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	14.449.790.945	12.125.542.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		422.175.562.777	399.178.525.632

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		191.927.304.793	173.537.333.294
I. Nợ ngắn hạn	310		191.927.304.793	159.537.333.294
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	82.145.036.738	87.825.322.391
2. Phải trả người bán	312		82.230.780.441	58.482.621.070
3. Người mua trả tiền trước	313		658.521.322	655.280.051
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.414.184.683	5.055.251.001
5. Phải trả người lao động	315		5.249.687.757	6.324.448.007
6. Chi phí phải trả	316		738.781.254	1.450.342.456
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	15.417.854.600	17.234.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		72.457.998	(273.166.662)
II. Nợ dài hạn	330		-	14.000.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	14.000.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		230.248.257.984	225.641.192.338
I. Vốn cổ phần	410	15	230.248.257.984	225.641.192.338
1. Vốn điều lệ	411		149.999.080.000	149.999.080.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.282.931.303	43.282.931.303
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.293.278.290	5.940.917.770
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.072.893.087	667.184.932
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.600.075.304	25.751.078.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		422.175.562.777	399.178.525.632

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý		-	58.598.872
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		237.491	198.245
- Euro (EUR)		101	1.278


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
			đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng	01		248.934.936.860	199.391.897.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		147.771.400	725.992.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		248.787.165.460	198.665.904.482
4. Giá vốn hàng bán	11		204.910.134.311	162.217.207.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		43.877.031.149	36.448.696.483
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	47.518.072	25.276.578
7. Chi phí tài chính	22	19	4.860.938.925	18.136.975.811
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.538.951.001	11.222.089.607
8. Chi phí bán hàng	24		7.382.772.244	6.963.056.567
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.488.190.473	4.661.944.937
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		27.192.647.579	6.711.995.746
11. Thu nhập khác	31		688.498.042	1.784.399.889
12. Chi phí khác	32		238.776.479	1.358.848.367
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	449.721.563	425.551.522
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		27.642.369.142	7.137.547.268
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	6.166.271.029	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		21.476.098.113	7.137.547.268
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.432	476


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng

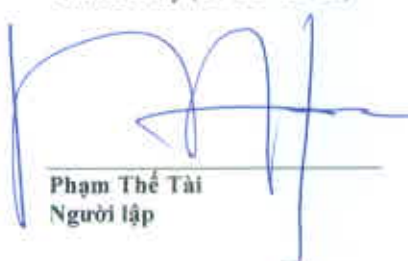



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỔ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.642.369.142	7.137.547.268
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.928.384.327	9.669.824.690
Các khoản dự phòng	03	749.568.566	1.464.811.632
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	73.270.571	97.502.961
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	77.494.473	7.106.309.546
Chi phí lãi vay	06	4.538.951.001	11.222.089.607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47.010.038.080	36.698.085.704
Thay đổi các khoản phải thu	09	2.241.504.120	1.194.485.255
Thay đổi hàng tồn kho	10	(34.382.691.021)	(1.859.636.072)
Thay đổi các khoản phải trả	11	21.642.499.642	(1.370.737.552)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.559.164.987)	(7.837.144.533)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.563.753.822)	(11.351.682.362)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.832.034.065)	(1.528.259.563)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	24.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.523.499.807)	(103.435.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.032.898.140	13.865.675.877
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.226.837.200)	(7.881.017.234)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	112.450.909	835.951.218
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.654.200.000	2.765.248.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	10.007.524	14.485.669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(450.178.767)	(4.265.332.347)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	209.173.284.631	186.455.376.930
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(228.879.870.684)	(195.788.658.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.706.586.053)	(9.333.281.813)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	876.133.320	267.061.717
Tiền đầu kỳ	60	5.267.716.994	2.712.369.434
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16.884.512	4.022.013
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6.160.734.826	2.983.453.164


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000006 ngày 2 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Công ty niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM ngày 18 tháng 6 năm 2009 ban hành bởi HOSE.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 265 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 269).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất giấy. Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- Vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Chế biến, nuôi trồng, buôn bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm nông sản và thủy sản;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt, thép;
- Buôn bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản kỳ quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014 <u>Số năm</u>	2013 <u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25	6 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 15	3 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 8	6 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10	3 - 5
Tài sản khác	8	4 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa lớn các nhà máy của Công ty và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	209.188.900	232.158.600
Tiền gửi ngân hàng	5.951.545.926	5.035.558.394
	<u>6.160.734.826</u>	<u>5.267.716.994</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, khoản phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bà Bùi Thị Mai Thảo (*)	668.996.655	12.323.196.655
Các khoản phải thu khác	197.731.634	518.396.037
	866.728.289	12.841.592.692

(*) Khoản phải thu khác từ Bà Bùi Thị Mai Thảo thể hiện khoản phải thu từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy sản Bến Tre trong năm 2013. Căn cứ Hợp đồng số 01 /MHCK ngày 28 tháng 6 năm 2013, thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 12 năm 2013, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn thời gian thanh toán đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 và số tiền chậm trả kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 chịu mức lãi suất 0,75% một tháng. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa thu hồi hết khoản phải thu này.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	23.418.082.291	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.745.535.905	38.505.540.865
Công cụ, dụng cụ	221.100.975	90.094.504
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.687.818	-
Thành phẩm	8.926.734.280	5.354.814.879
	78.333.141.269	43.950.450.248

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2014	104.890.626.363	167.390.639.332	1.182.743.135	7.509.807.324	193.710.000	281.167.526.154
Tăng trong kỳ	886.818.636	736.938.182	117.291.000	1.230.954.545	-	2.972.002.363
Thanh lý	-	(283.145.210)	-	(171.000.000)	-	(454.145.210)
Tại ngày 30/6/2014	105.777.444.999	167.844.432.304	1.300.034.135	8.569.761.869	193.710.000	283.685.383.307
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2014	16.243.806.251	39.426.756.410	407.595.425	2.087.000.099	72.707.544	58.237.865.729
Khấu hao trong kỳ	3.882.933.114	9.368.452.395	91.889.976	554.306.146	12.007.359	13.909.588.990
Thanh lý	-	(159.853.677)	-	(94.338.627)	-	(254.192.304)
Tại ngày 30/6/2014	20.126.739.365	48.635.355.128	499.485.401	2.546.967.618	84.714.903	71.893.262.415
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	85.650.705.634	119.209.077.176	800.548.734	6.022.794.251	108.995.097	211.792.120.892
Tại ngày 31/12/2013	88.646.820.112	127.963.882.922	775.147.710	5.422.807.225	121.002.456	222.929.660.425

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 3. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian hữu dụng ước tính mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian hữu dụng ước tính trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm với số tiền là 3.498.341.759 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 211.792.120.892 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 222.929.660.425 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 415.777.442 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 889.625.770 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG HẢI BẾN TRE
457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm máy tính
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 1/1/2014

188.834.250

Tăng trong kỳ

200.000.000

Tại ngày 30/6/2014

388.834.250

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2014

88.341.068

Khấu hao trong kỳ

18.795.337

Tại ngày 30/6/2014

107.136.405

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2014

281.697.845

Tại ngày 31/12/2013

100.493.182

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 82.602.450 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 0 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

30/6/2014

31/12/2013

VND

VND

Dự án hệ thống bột lớp mặt

11.425.584.028

2.124.964.975

Nền xưởng Nhà máy Giao Long

185.129.999

-

Nền bãi nguyên liệu giấy

779.079.052

671.349.961

Nền xưởng Nhà máy Bao bì

417.646.273

-

12.807.439.352

2.796.314.936

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

30/6/2014

31/12/2013

VND

VND

Công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ

11.448.535.411

6.558.480.907

Chi phí sửa chữa nhà máy

3.001.255.534

5.567.061.761

14.449.790.945

12.125.542.668

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

30/6/2014

31/12/2013

VND

VND

Vay ngắn hạn

79.484.187.698

73.438.850.738

Nợ dài hạn đến hạn trả

2.660.849.040

14.386.471.653

82.145.036.738

87.825.322.391

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 120.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm. Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 4, 5 và 8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") dưới hình thức hợp đồng vay dài hạn với số tiền 68.000.000.000 đồng để đầu tư cho dự án Nhà máy Giao Long - Giai đoạn 1. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 7 tháng 12 năm 2014. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi với lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 4%/năm. Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh 4,5, 7 và 8).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.652.956.331	1.837.518.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.520.337.718	3.186.100.754
Tiền thuế đất	183.818.902	-
Thuế thu nhập cá nhân	57.071.732	31.631.927
	5.414.184.683	5.055.251.001

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chia cổ tức cho cổ đông công ty	14.999.908.000	-
Khác	417.946.600	17.234.980
	15.417.854.600	17.234.980

15. VỐN CỔ PHẦN

Thay đổi trong vốn cổ phần

	Vốn điều lệ	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	vốn cổ phần	phát triển	tài chính	chưa phân phối	VND
Số dư tại ngày 1/1/2013	149.999.080.000	43.282.931.303	5.940.917.770	667.184.932	(1.296.132.064)	198.593.981.941
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.047.210.392	27.047.210.392
Số dư tại ngày 31/12/2013	149.999.080.000	43.282.931.303	5.940.917.770	667.184.932	25.751.078.333	225.641.192.338
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	21.476.098.113	21.476.098.113
Trích lập các quỹ	-	-	1.352.360.520	405.708.155	(2.434.248.935)	(676.180.260)
Trả thù lao	-	-	-	-	(1.192.944.207)	(1.192.944.207)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(14.999.908.000)	(14.999.908.000)
Số dư tại ngày 30/6/2014	149.999.080.000	43.282.931.303	7.293.278.290	1.072.893.087	28.600.075.304	230.248.257.984

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 6 năm 2014, Công ty công bố chia lợi nhuận sau thuế của năm 2013 như sau:

- Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 1.352.360.520 đồng, 405.708.155 đồng và 676.180.260 đồng.
- Công ty trả thù lao và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2013, với số tiền là 1.192.944.207 đồng.
- Công ty công bố chia cổ tức với số tiền 14.999.908.000 đồng. Cổ tức sẽ được chi trả cho các cổ đông trong 6 tháng còn lại của năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phần

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phần được phép phát hành	14.999.908	14.999.908
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	<u>14.999.908</u>	<u>14.999.908</u>

Công ty chỉ có duy nhất cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 149.999.080.000 đồng đã được các cổ đông góp đầy đủ.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động hiện tại chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh giấy, bìa và bao bì bằng giấy và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý này đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lợi.

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	231.788.561.122	207.276.996.181
Chi phí nhân công	13.339.238.118	11.586.563.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.928.384.327	9.658.588.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.079.045.485	18.921.788.160
Chi phí khác	6.642.476.877	9.733.302.907
	<u>287.777.705.929</u>	<u>257.177.239.205</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.007.524	14.485.669
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.814.654	10.790.909
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.695.894	-
	<u>47.518.072</u>	<u>25.276.578</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.538.951.001	11.222.089.607
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	6.671.848.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	73.270.571	97.502.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	248.717.353	145.534.428
	<u>4.860.938.925</u>	<u>18.136.975.811</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	112.450.909	835.951.218
Các khoản khác	576.047.133	948.448.671
Thu nhập khác	688.498.042	1.784.399.889
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	199.952.906	1.284.897.618
Các khoản khác	38.823.573	73.950.749
Chi phí khác	238.776.479	1.358.848.367
Lợi nhuận khác	449.721.563	425.551.522

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	27.642.369.142	7.137.547.268
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	386.135.539	74.396.295
Trừ: Lỗ kết chuyển	-	(7.211.943.563)
Thu nhập tính thuế	28.028.504.681	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.166.271.029	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.476.098.113	7.137.547.268
Số lượng cổ phần	14.999.908	14.999.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.432	476

23. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	740.025.150	537.889.670

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.704.768.710	1.480.050.376
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.674.545.520	7.417.275.194
Sau năm năm	43.725.491.277	43.528.395.654
	53.104.805.507	52.425.721.224

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Giao Long. Các hợp đồng thuê này được ký với thời hạn từ 28 đến 50 năm.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, trừ đi tiền như đã trình bày ở Thuyết minh số 4) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	82.145.036.738	101.825.322.391
Trừ: Tiền	6.160.734.826	5.267.716.994
Nợ thuần	75.984.301.912	96.557.605.397
Vốn chủ sở hữu	230.248.257.984	225.641.192.338
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,33	0,43

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	6.160.734.826	5.267.716.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.884.264.992	93.846.787.030
Các khoản kỳ quỹ	75.000.000	75.000.000
	93.119.999.818	99.189.504.024
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	82.145.036.738	101.825.322.391
Phải trả người bán và phải trả khác	97.635.516.761	58.482.621.070
Chi phí phải trả	738.781.254	1.450.342.456
	180.519.334.753	161.758.285.917

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	5.045.736.336	4.170.285.186	66.856.635.995	39.395.816.067
Euro	2.950.024	37.021.235	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 618.108.997 đồng.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 53.216.981 đồng (từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 567.729.433 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và các khoản vay góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG HẢI BẾN TRE
457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền	6.160.734.826	-	6.160.734.826
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.884.264.992	-	86.884.264.992
Các khoản ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000
	<u>93.119.999.818</u>	<u>-</u>	<u>93.119.999.818</u>
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	82.145.036.738	-	82.145.036.738
Phải trả người bán và phải trả khác	97.635.516.761	-	97.635.516.761
Chi phí phải trả	738.781.254	-	738.781.254
	<u>180.519.334.753</u>	<u>-</u>	<u>180.519.334.753</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(87.399.334.935)</u>	<u>-</u>	<u>(87.399.334.935)</u>
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền	5.267.716.994	-	5.267.716.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.846.787.030	-	93.846.787.030
Các khoản ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000
	<u>99.189.504.024</u>	<u>-</u>	<u>99.189.504.024</u>
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	87.825.322.391	14.000.000.000	101.825.322.391
Phải trả người bán và phải trả khác	58.482.621.070	-	58.482.621.070
Chi phí phải trả	1.450.342.456	-	1.450.342.456
	<u>147.758.285.917</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>161.758.285.917</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(48.568.781.893)</u>	<u>(14.000.000.000)</u>	<u>(62.568.781.893)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao. Thông qua việc cân đối các khoản phải thu, phải trả của công ty, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Đoàn Văn Đạo
Bà Đinh Thị Mai Thảo

Mối quan hệ

Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vợ của nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Bà Đinh Thị Mai Thảo	<u>-</u>	<u>27.652.480.000</u>
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Bà Đinh Thị Mai Thảo	<u>11.654.200.000</u>	<u>2.765.248.000</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
457C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, Thành phố Bến Tre
Tỉnh Bến Tre, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.239.258.252	611.867.022
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.192.944.207	123.000.000
	<u>2.432.202.459</u>	<u>734.867.022</u>

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng cho nhân viên		
Ông Đoàn Văn Đạo	-	6.896.571.475
Phải thu khác		
Bà Đinh Thị Mai Thảo	668.996.655	12.323.196.655


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 8 năm 2014